

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Hà Nội, tháng 03 năm 2018

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy- Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 -2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8-9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 37

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty mẹ cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (sau đây gọi là **Báo cáo tài chính riêng**) đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Năm 2017 là năm tài chính đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phong	Ủy viên Ban Kiểm soát

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Tổng Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

CC
T
KIẾ
CPA
/40

Số: 370/ 2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng của
Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP
cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 30/03/2018, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 1 đến trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty đang tiến hành quyết toán công tác cổ phần hóa nên chưa có Biên bản bàn giao số liệu kế toán từ Công ty TNHH NN MTV sang Công ty cổ phần.
- Chúng tôi không đưa ra ý kiến về vấn đề được nêu trong đoạn “Ghi chú” được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng phần V, đoạn 02, điểm b (trang 19,20) về khoản “Đầu tư vào công ty con”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số: 0133-2018-137-1
(Ủy quyền số 05/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/10/2015 của
Tổng Giám đốc)

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Đỗ Thị Thu Hương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1417-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	20/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		367.304.536.305	378.160.843.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.448.768.896	27.807.877.634
1. Tiền	111		8.448.768.896	14.587.877.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	13.220.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.000.000.000	40.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		227.362.803.352	245.356.404.251
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	196.607.192.953	198.251.047.093
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.726.155.495	21.312.739.130
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.04	780.418.838	637.500.000
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	2.800.000.000	2.500.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	21.159.640.281	22.655.118.028
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.710.604.215)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	91.871.918.878	63.413.809.040
1. Hàng tồn kho	141		91.871.918.878	63.413.809.040
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.621.045.179	1.582.753.073
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10		5.090.910
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.048.320.760	1.484.246.042
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	572.724.419	93.416.121
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			1.217.501.706.107	1.225.779.782.426
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	20.000.000	20.000.000
II. Tài sản cố định	220		36.538.438.867	38.532.256.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.461.987.259	38.437.471.472
- Nguyên giá	222		46.337.696.076	46.298.878.803
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.875.708.817)	(7.861.407.331)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	76.451.608	94.784.945
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.548.392)	(5.215.055)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.180.403.779.154	1.186.492.476.511
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.166.007.011.840
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		18.356.645.113	18.712.512.613
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(695.252.300)	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		539.488.086	735.049.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	539.488.086	735.049.498
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.584.806.242.412	1.603.940.626.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	20/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		166.171.754.411	185.306.138.423
I. Nợ ngắn hạn	310		166.171.754.411	185.306.138.423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	73.747.911.369	69.886.422.487
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		38.597.350.771	73.836.920.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.139.809.800	2.312.473.207
4. Phải trả người lao động	314		1.392.589.692	3.430.286.839
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	4.143.054.003	4.244.461.215
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	722.272.727	719.404.040
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	20.243.448.642	20.919.714.877
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	22.237.906.794	4.322.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			1.869.999.417
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.947.410.613	3.763.955.466
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421			
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
LNST chưa phân phối kỳ này	421b			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.584.806.242.412	1.603.940.626.424

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	362.713.709.768	26.792.394.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3. (10= 01-02)	10		362.713.709.768	26.792.394.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	337.274.012.847	22.865.280.588
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
5. (20=10 - 11)	20		25.439.696.921	3.927.113.561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.147.535.431	5.328.378.855
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.503.828.775	7.633.660.849
- Trong đó: Chi phí lãi vay			807.321.669	24.602.283
8. Chi phí bán hàng	24		22.556.545	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	25.757.912.575	1.702.556.917
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
10. {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.302.934.457	(80.725.350)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	682.429.249	420.784.404
12. Chi phí khác	32	VI.07	354.170.221	14.683.586
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		328.259.028	406.100.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.631.193.485	325.375.468
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	718.129.744	65.075.094
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				
17. (60=50 - 51 - 52)	60		2.913.063.741	260.300.374

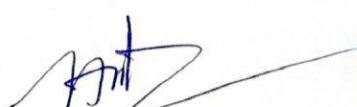
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

TB.Tài chính Kế toán



Trần Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

Ghi chú:

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 12)

- Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày	Từ ngày
		20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1 Lợi nhuận trước thuế		3.631.193.485	325.375.468
2 Điều chỉnh cho các khoản		6.981.596.642	(8.866.816.457)
- Khấu hao TSCĐ	02	2.032.634.823	160.550.475
- Các khoản dự phòng	03	7.405.856.515	(9.187.479.658)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(67.835.052)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.196.381.313)	(134.738.855)
- Chi phí lãi vay	06	807.321.669	24.602.283
- Các khoản điều chỉnh khác			270.249.298
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay			
3 đổi vốn lưu động	08	10.612.790.127	(8.541.440.989)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	6.539.613.668	4.569.981.404
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(28.458.109.838)	6.932.423.519
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(36.849.968.485)	2.274.692.036
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	200.652.322	62.307.894
- Tiền lãi vay đã trả	14	(521.802.162)	(91.151.440)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(1.887.413.463)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	673.204.585	2.487.542.938
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.384.565.177)	(1.497.430.501)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(54.075.598.423)	6.196.924.861
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(38.636.083)	(1.331.500.000)
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	22	(1.396.398.139)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	37.050.000.000	13.523.945.007
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.486.437.243	524.966
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.766.373.021	12.192.969.973
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	62.308.379.259	-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.357.807.326)	(8.015.223.677)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	11.950.571.933	(8.015.223.677)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu		Từ ngày	Từ ngày
		20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	3.641.346.531	10.374.671.157
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.807.877.634	17.433.206.477
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(455.269)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.448.768.896	27.807.877.634

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

TB. Tài chính Kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Hiền

Trần Thị Thu Trang

Nguyễn Khắc Hải

Ghi chú:

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 12)

- Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Hiện tại, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng). Cụ thể, tỷ lệ sở hữu vốn như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	1.413.846.800.000	99,5726%
- Cán bộ công nhân viên công ty	537.820	5.378.200.000	0,3788%
- Nhà đầu tư khác	69.000	690.000.000	0,0486%
+ Cổ đông là cá nhân	49.000	490.000.000	0,0345%
+ Cổ đông là tổ chức	20.000	200.000.000	0,0141%
Cộng	141.991.500	1.419.915.000.000	100%

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng); Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập; Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị; Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị - Sản xuất các cấu kiện kim loại	100%	100%
II. Đơn vị phụ thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Đóng tàu và cấu kiện nổi; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyên giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%
III. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
IV. Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Thoái vốn tại Công ty CP Cơ khí Cừ Long: Trước ngày 20/12/2017, Tổng Công ty sở hữu 78,89% Vốn tương ứng với 78,89% tỷ lệ biểu quyết của Công ty CP Cơ khí Cừ Long. Ngày 17/08/2017, Bộ Công thương có Công văn số 7548/BCT-CNNg đồng ý với đề nghị của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP về việc thoái hết phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cơ khí Cừ Long. Ngày 20/12/2017, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ khí Cừ Long.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi sang Công ty cổ phần và xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/09/2014. Đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần và chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần. Theo Điều 21, Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 10, thông tư 127/2014/TT-BTC qui định **tại thời điểm** doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu thì doanh nghiệp cổ phần hóa phải lập Báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần. Do đó, Báo cáo tài chính riêng này được hiểu là bắt đầu từ cuối ngày 20/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính riêng là đồng Việt Nam (ký hiệu “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc xác định tiền: Là toàn bộ số tiền mặt và tiền gửi ngân hàng hiện có của Tổng Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch đối với ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Kết quả Hoạt động Kinh doanh của kỳ hoạt động theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

trường Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 “Quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp”.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giảm giá chứng khoán đầu tư, nợ khó đòi tại doanh nghiệp và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định (TSCĐ)

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán

công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán

chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến</u> <u>31/12/2017</u> <u>(số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ
- Lợi thế thương mại
- Những khoản chi phí khác

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay ngắn hạn, dài hạn và nợ dài hạn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay” và Điều 54 -Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017 đang được tạm thời phân phối.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi trong kỳ kế toán có phát sinh doanh thu bán hàng (hoặc CCDV). Ghi nhận giá vốn hàng bán phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán (trong việc tính giá vốn hàng bán).

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó, Tổng Công ty chưa trình bày thuyết minh về công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến 31/12/2017.

13. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính riêng nói chung.

14. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

15. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38.252.498 Fax: (84-4) 38.261.129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VND)

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
Tiền mặt	460.582.479	1.131.996.823
Tiền gửi ngân hàng	7.988.186.417	13.455.880.811
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	13.220.000.000
Tổng cộng	<u>31.448.768.896</u>	<u>27.807.877.634</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>		<u>20/01/2017</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi số</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi số</u>
Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)	10.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Tổng cộng	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

02. Các khoản đầu tư tài chính

b) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH MTV cơ khí Hà Nội (1)	644.670.174.361	(*)		644.670.174.361 (*)
Công ty TNHH MTV cơ khí Quang Trung (2)	163.327.600.924	(*)		163.327.600.924 (*)
Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí (3)	186.946.683.204	(*)		186.946.683.204 (*)
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật (4)	35.893.995.830	(*)		35.893.995.830 (*)
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải (5)	126.294.786.164	(*)		126.294.786.164 (*)
Công ty CP Dụng cụ số 1 (6)	3.836.193.800	(*)		3.836.193.800 (*)
Công ty CP cơ khí Cửu Long (7)		(*)		5.037.577.557 (*)
Tổng cộng	1.160.969.434.283			1.166.007.011.840

(1),(2),(3),(4): là đơn vị do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn.

(5) Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải thuộc Tổng Công ty ngày 28/11/2014. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

(6) Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường thuộc Tổng Công ty ngày 17/11/2003. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 đồng, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 4.099.574.020 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 đồng.

(7) Công ty CP Cơ khí Cửu Long: chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ Khí Cửu Long thuộc Tổng Công ty ngày 20/06/2006. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.123.900.000 đồng, chiếm 78,89% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 4.186.766.745 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cơ Khí Cửu Long được Tổng Công ty ghi nhận là 5.037.577.557 đồng. Ngày 17/08/2017, Bộ Công Thương có Công văn số 7548/BCT-CNNg đồng ý với đề nghị của Tổng Công ty Máy và Thiết bị

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY ME**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi – P. Vĩnh Tuy – Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Công nghiệp về việc thoái hết phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cơ khí Cừu Long. Ngày 20/12/2017, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ khí Cừu Long.

Ghi chú:

- *Lỗ lũy kế của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu thiết bị Toàn Bộ và Kỹ thuật tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán là 14.778.147.959 đồng. Trong đó, lỗ lũy kế đến ngày 20/01/2017 là 11.399.417.860 đồng và khoản lỗ của kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 là 3.378.730.099 đồng. Theo qui định, tại ngày 31/12/2017, Tổng Công ty phải đánh giá các khoản đầu tư tài chính, lập dự phòng tài chính nếu có tồn thất xảy ra. Tuy nhiên, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% đang hoàn tất hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, trình lên cơ quan có thẩm quyền xem xét các khoản lỗ của Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật. Do vậy, Tổng Công ty chưa tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng tài chính đối với khoản đầu tư này.*
- *Chúng tôi cũng lưu ý rằng, ngày 26/03/2018, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật, theo đó, Tổng Công ty đề xuất với Bộ Công Thương tái cơ cấu, thoái 100% Vốn đầu tư bằng phương thức bán doanh nghiệp có kế thừa công nợ hoặc thực hiện việc phá sản doanh nghiệp (nếu không bán được).*

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017		20/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn- Hà Nội (8)	1.772.952.058	(*)		1.772.952.058	(*)	
Tổng cộng	1.772.952.058			1.772.952.058		

(8): Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn – Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P. Vĩnh Tuy - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

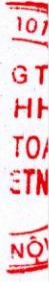
02. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)
d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam (9)	638.090.107	(*)		658.090.107 (*)
Công ty CP Đá Mài Hải Dương (10)	3.381.542.806	(*)		3.717.410.306 (*)
Công ty CP cơ khí Chế tạo Hải Phòng (11)	1.432.012.200	736.759.900	695.252.300	1.432.012.200 (*)
Công ty CP Xi măng Đông Anh (12)	12.905.000.000	(*)		12.905.000.000 (*)
- Vốn đầu tư của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (12a)		(*)		(*)
- Vốn góp của các cổ đông khác (12b)	12.905.000.000	(*)		12.905.000.000 (*)
Tổng cộng	18.356.645.113	736.759.900	695.252.300	18.712.512.613

(9) Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam: Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 400.000.000 đồng, chiếm 13,33% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 655.390.567 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 658.090.107 đồng. Tại ngày 31/12/2017, khoản đầu tư này được ghi nhận là 638.090.107 đồng.

(10) Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2017, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

(11) Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng.



**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY ME**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

(12) Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(12a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp.

(12b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Ghi chú:

(*): *Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác (ngoại trừ Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cơ khí Chế tạo Hai Phòng) để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.*

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

03. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các công ty con	1.339.947.397		20.892.006.102	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	642.571.731		1.747.779.050	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	697.375.666		19.144.227.052	
Các khách hàng khác	195.267.245.556	6.710.604.215	177.359.040.991	
Ban Quản lý Dự án nhà máy Thủy điện Sơn La	6.751.806.090		20.679.517.000	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	72.080.368.984		79.401.628.984	
Tổng công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	30.556.129.340		13.083.021.127	
Công ty CP đầu tư và xây dựng cơ khí Sông Hồng	3.367.886.062	3.367.886.062	3.367.886.062	
Công ty Cổ phần cơ khí điện lực	3.342.718.153	3.342.718.153	3.792.718.153	
Công ty TNHH Việt Lào	2.025.898.106		2.030.814.250	
Công ty cổ phần Bột - Giấy VNT19	15.284.700.520			
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	8.466.311.080			
Đối tượng khác	53.391.427.221		55.003.455.415	
Tổng cộng	196.607.192.953	6.710.604.215	198.251.047.093	

04. Phải thu nội bộ

a) Phải thu nội bộ ngắn hạn

Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp
Công ty CP Cơ điện và XD Quảng Nam
Đối tượng khác

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	637.500.000		637.500.000	
	142.918.838		-	
Tổng cộng	780.418.838	-	637.500.000	-

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

05. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Đầu tư - Xây dựng Thăng Long	2.350.000.000		2.000.000.000	
Nguyễn Quyết Chiến	450.000.000		500.000.000	
Tổng cộng	2.800.000.000		2.500.000.000	

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

06. Phải thu khác

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	21.159.640.281		22.655.118.028	
Chi phí cổ phần hóa	2.953.839.908		2.371.152.908	
Phải thu các công ty con	44.080.646		1.038.502.959	
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	37.161.309		653.272.984	
+ Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	-		378.310.638	
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337		6.919.337	
Lãi tiền gửi kỳ hạn dự thu	461.635.046		641.994.445	
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	386.302.777		143.138.889	
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	75.332.269		497.899.998	
+ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-		955.558	
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Đầu tư Thăng Long	7.961.657.222		7.767.500.000	
Đối tượng khác	1.230.651.484		1.413.506.939	
+ Ông Nguyễn Quyết Chiến	250.510.417		208.750.000	
+ Đối tượng khác	980.141.067		1.204.756.939	
Phải thu về BHXH, BHYT	160.742.125		119.964.000	
Tạm ứng	8.347.033.850		9.302.496.777	
b) Phải thu dài hạn khác	20.000.000		20.000.000	
Ký quỹ, ký cược	20.000.000		20.000.000	
Tổng cộng	21.179.640.281		22.675.118.028	

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

07. Hàng tồn kho

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	244.359.599		30.650.551	
Công cụ, dụng cụ	-		9.261.818	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	82.957.593.488		45.704.166.032	
Hàng hóa	8.669.965.791		17.669.730.639	
Tổng cộng	91.871.918.878		63.413.809.040	

08. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 20/01/2017	41.770.744.163	175.639.500	4.153.069.594	199.425.546	46.298.878.803
Tăng trong kỳ	-	-	-	38.817.273	38.817.273
- Mua trong kỳ	-	-	-	38.817.273	38.817.273
Tại ngày 31/12/2017	41.770.744.163	175.639.500	4.153.069.594	238.242.819	46.337.696.076
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 20/01/2017	5.718.360.936	108.883.165	1.991.499.012	42.664.218	7.861.407.331
Tăng trong kỳ	1.538.693.816	23.138.896	404.872.051	47.596.723	2.014.301.486
- Khấu hao trong kỳ	1.538.693.816	23.138.896	404.872.051	47.596.723	2.014.301.486
Tại ngày 31/12/2017	7.257.054.752	132.022.061	2.396.371.063	90.260.941	9.875.708.817
Giá trị còn lại					
Tại ngày 20/01/2017	36.052.383.227	66.756.335	2.161.570.582	156.761.328	38.437.471.472
Tại ngày 31/12/2017	34.513.689.411	43.617.439	1.756.698.531	147.981.878	36.461.987.259

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09. Tăng giảm tài sản vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	5.215.055	5.215.055
Tăng trong kỳ	-	-	-	18.333.337	18.333.337
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	18.333.337	18.333.337
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	23.548.392	23.548.392
Giá trị còn lại					
Tại ngày 20/01/2017	-	-	-	94.784.945	94.784.945
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	76.451.608	76.451.608

10. Chi phí trả trước

	31/12/2017	20/01/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		5.090.910
- Chi phí công cụ, dụng cụ		5.090.910
b) Dài hạn	539.488.086	735.049.498
- Chi phí công cụ, dụng cụ	384.987.390	508.674.201
- Phí bảo lãnh ngân hàng	145.500.696	226.375.297
- Chi phí khác	9.000.000	
Cộng	539.488.086	740.140.408

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi - P.Vĩnh Tuy - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

11. Phải trả người bán

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Các Công ty con	4.562.403.552	4.562.403.552	4.487.952.073	4.487.952.073
Công ty CP Cơ khí Duyen Hải	4.562.403.552	4.562.403.552	4.487.952.073	4.487.952.073
Các đối tượng khác	69.185.507.817	69.185.507.817	65.398.470.414	65.398.470.414
Công ty CP kết cấu thép & thiết bị nâng Việt Nam	7.912.372.985	7.912.372.985	10.965.438.000	10.965.438.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu - Dầu tu - Xây dựng Thăng Long	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000	7.340.000.000
Guilin gGuiye Industrial Co., Ltd	9.915.618.119	9.915.618.119	9.937.425.064	9.937.425.064
Công ty CP Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	7.514.505.346	7.514.505.346		
Đối tượng khác	36.503.011.367	36.503.011.367	37.155.607.350	37.155.607.350
Tổng cộng	73.747.911.369	73.747.911.369	69.886.422.487	69.886.422.487



Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 20/01/2017	Phải nộp	Đã nộp	Tại ngày 31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	1.259.048.618	9.645.993.573	8.983.815.840	1.921.226.351
+ Thuế VAT đầu ra	1.259.048.618	3.867.149.732	3.204.971.999	1.921.226.351
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.778.843.841	5.778.843.841	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	713.687.552	718.129.744	1.887.413.463	(455.596.167)
+ Văn phòng Công ty	712.873.130	645.232.035	1.837.413.463	(479.308.298)
+ Chi nhánh Miền Nam	814.422			814.422
+ Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp		72.897.709	50.000.000	22.897.709
+ Công ty Xây lắp Công nghiệp				
Thuế TNCN	133.176.512	316.525.797	326.277.786	123.424.523
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	283.584.486	283.584.486	-
Các loại thuế khác	206.560.525	44.076.881	179.190.611	71.446.795
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(93.416.121)	-	-	(93.416.121)
Tổng cộng	2.219.057.086	11.008.310.481	11.660.282.186	1.567.085.381
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 20/01/2017:			2.312.473.207	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước tại ngày 20/01/2017:			(93.416.121)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31/12/2017:			2.139.809.800	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước tại ngày 31/12/2017:			(572.724.419)	

13. Chi phí phải trả

	31/12/2017	20/01/2017
a) Ngắn hạn	-	-
Lãi vay phải trả	4.127.678.324	4.057.625.001
Lãi vay phải trả ngân hàng	15.375.679	
Trích trước phí bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng	-	186.836.214
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.143.054.003	4.244.461.215

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy
– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09 DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

14. Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	722.272.727	719.404.040
Tổng cộng	722.272.727	719.404.040

15. Phải trả khác

	<u>31/12/2017</u>	<u>20/01/2017</u>
a) Phải trả ngắn hạn	20.243.448.642	20.919.714.877
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.253.202.540	4.219.988.040
Kinh phí công đoàn	9.140.000	44.796.162
Bảo hiểm xã hội	1.088.239.480	841.420.894
Bảo hiểm y tế	53.098.995	33.043.868
Bảo hiểm thất nghiệp	22.783.500	14.742.388
Nhận ký quỹ, ký cược	11.000.000	672.000.000
Phải trả cho lao động dôi dư	57.407.500	
Phải trả phải nộp khác	1.843.576.627	2.188.723.525
b) Dài hạn		
Cộng	20.243.448.642	20.919.714.877

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP-CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi -P.Vĩnh Tuy – Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

16. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		20/01/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn (VND)	17.454.173.794	17.454.173.794		
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (*)	7.642.284.619	7.642.284.619		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (BIDV) (**)	9.811.889.175	9.811.889.175	-	-
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
c) Vay cá nhân	783.733.000	783.733.000	322.500.000	322.500.000
Tổng cộng	22.237.906.794	22.237.906.794	4.322.500.000	4.322.500.000

(*): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 77294.16.057.828428.TD ngày 19/10/2016, lãi suất 6,5%/năm

(**): Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/31009/HĐTĐ ngày 05/07/2017, lãi suất 7,5%/năm

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 20/01/2017	1.418.634.488.001	-	-	1.418.634.488.001
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	2.913.063.741	2.913.063.741
- Tăng khác	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
- Tạm phân phối lợi nhuận	-	903.806.594	(2.913.063.741)	(2.048.939.617)
- Giảm khác	-	(903.806.594)	-	(903.806.594)
Số dư ngày 31/12/2017	1.418.634.488.001	-	-	1.418.634.488.001

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	20/01/2017
Vốn góp của các cổ đông	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c) Các giao dịch về vốn

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.398.705.157.520
Vốn góp tăng trong kỳ		19.929.330.481
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy
– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

đ) Cổ phiếu

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THUYẾT MINH CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

Ghi chú:

- Ngày bắt đầu kỳ báo cáo được thuyết minh tại Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, Phần II, Đoạn 1, về "Niên độ kế toán" (Trang 12)
- Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017, Tổng Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Nhà nước một thành viên; Kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần.

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	189.993.724.129	1.652.823.857
Doanh thu dự án	172.719.985.639	25.139.570.292
Tổng cộng	362.713.709.768	26.792.394.149

02. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	183.105.876.308	1.205.813.084
Giá vốn dự án	154.168.136.539	21.659.467.504
Tổng cộng	337.274.012.847	22.865.280.588

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	2.383.446.672	134.738.855
Cổ tức, lợi nhuận được chia	539.077.838	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.783.426	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.835.052	
Hoàn nhập dự phòng		5.193.640.000
Lãi chuyển nhượng vốn	2.147.392.443	
Tổng cộng	5.147.535.431	5.328.378.855

04. Chi phí tài chính

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lãi tiền vay	807.321.669	24.602.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.254.806	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	695.252.300	
Đánh giá lại khoản đầu tư tài chính theo qui định		7.609.058.566
Tổng cộng	1.503.828.775	7.633.660.849

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên quản lý	6.569.606.987	772.021.691
Chi phí mua đồ dùng văn phòng	394.033.795	19.617.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.999.852.160	161.121.309
Thuế, phí, lệ phí	293.524.486	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	6.396.555.255	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	476.469.483	16.025.145
Chi phí bằng tiền khác	9.627.870.409	730.771.302
Tổng cộng	25.757.912.575	1.702.556.917

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy

– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN

Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017**06. Thu nhập khác**

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chuyển tiền cọc đấu giá của nhà đầu tư từ chối mua CP CTCP CK Cừ Long	518.567.400	
Lãi chậm trả	55.722.375	
Khác	108.139.474	420.784.404
Tổng cộng	682.429.249	420.784.404

07. Chi phí khác

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Phạt chậm nộp thuế và các khoản vào NSNN, lãi chậm nộp bảo hiểm, phạt vi phạm hành chính...	354.170.221	14.683.586
Tổng cộng	354.170.221	14.683.586

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.631.193.485	325.375.468
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	311.613.022	-
+ Lãi chậm nộp Bảo hiểm, lãi chậm nộp thuế và các khoản vào ngân sách Nhà nước	306.241.609	
+ Lỗ do đánh giá khoản mục tiền tệ và phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ	5.371.413	
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	539.077.838	-
+ Cổ tức nhận được	539.077.838	
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.403.728.669	
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	718.129.744	65.075.094

**TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP- CTCP
CÔNG TY MẸ**

Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi –P.Vĩnh Tuy
– Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 252 498 Fax: (84-4) 38 261 129

Mẫu số B 09- DN
Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

09. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Chi phí nhân viên quản lý	35.875.544.846	772.021.691
Chi phí NVL	1.529.039.977	223.881.378
Chi phí đồ dùng văn phòng	209.988.585.327	11.499.514.108
Chi phí khấu hao	2.919.470.201	163.121.309
Thuế, phí, lệ phí	286.584.486	
Dự phòng phải thu khó đòi	6.396.555.255	11.395.017
Chi phí dịch vụ mua ngoài	999.362.275	63.401.030
Chi phí khác bằng tiền	8.900.692.620	608.816.408
Cộng	266.895.834.987	13.342.150.941

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin về các bên liên quan

a) Bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,18%
Công ty Cổ phần Cơ khí Cửu Long (*)	Công ty con	78,89%
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia	Công ty liên doanh	2,149%
Công ty CP Công đoàn Giấy	Công ty liên doanh	

(*) **Thoái vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long:** Ngày 17/08/2017, Bộ Công thương có Công văn số 7548/BCT-CNNg đồng ý với đề nghị của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp – CTCP về việc thoái hết phần vốn Nhà nước tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long. Ngày 20/12/2017, Tổng Công ty chính thức thoái 100% Vốn tại Công ty CP Cơ khí Cửu Long.

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017

b) Giao dịch với Bên liên quan

Bên liên quan	Giao dịch	Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 20/01/2017
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao	1.815.395.628	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	17.037.187.846	
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	51.847.179.538	8.154.014.680
Công ty cổ phần dụng cụ số 1	Mua hàng	7.807.300	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	1.891.775.510	
Công ty Cổ phần Cơ khí Cửu Long	Thu cổ tức	312.390.000	

c) Số dư với các Bên liên quan

Khoản mục	Mối quan hệ	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 20/01/2017
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	642.571.731	1.747.779.050
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	697.375.666	19.144.227.052
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	1.724.814.949	
3. Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	37.161.309	653.272.984
Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	Công ty con		378.310.638
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
4. Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con		821.299.481
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con		219.003.567
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	4.562.403.552	4.487.952.073
5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con		595.420.746
6. Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con		1.286.997.062

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017, không có sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 20/01/2017 đến ngày 31/12/2017 được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty hoạt động liên tục.

03. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 20/01/2017 đã được kiểm toán, có điều chỉnh theo Công văn số 1095/CV-MIE-TCKT ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc điều chỉnh số liệu liên quan tới Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Công văn số 243/CV-MIE-TCKT ngày 19/03/2018 về việc điều chỉnh số liệu sau khi Báo cáo kiểm toán đã phát hành. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và kết quả kinh doanh thay đổi như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	22.655.118.028	22.112.419.193	542.698.835
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	1.484.246.042	1.555.216.093	(70.970.051)
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	93.416.121		93.416.121
4. Đầu tư vào công ty con	251	1.166.007.011.840	1.164.902.795.084	1.104.216.756
5. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	1.772.952.058	1.800.000.000	(27.047.942)
6. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258	18.712.512.613	24.285.610.838	(5.573.098.225)
Cộng thay đổi tài sản				(3.438.407.080)
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	73.836.920.875	74.144.920.875	(308.000.000)
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.312.473.207	4.277.275.341	(1.964.802.134)
3. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.919.714.877	20.855.188.226	64.526.651
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.763.955.466	3.713.575.064	50.380.402
5. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1.418.634.488.001	1.419.915.000.000	(1.280.511.999)
Cộng thay đổi nguồn vốn				(3.438.407.080)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26.792.394.149	26.442.394.149	350.000.000
2. Giá vốn hàng bán	11	22.865.280.588	23.357.658.014	(492.377.426)
3. Chi phí tài chính	22	7.633.660.849	3.137.731.438	4.495.929.411
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1.702.556.917	1.559.714.167	142.842.750
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	65.075.094	824.354.041	(759.278.947)
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	260.300.374	3.297.416.162	(3.037.115.788)

Người lập



Nguyễn Hữu Hiền

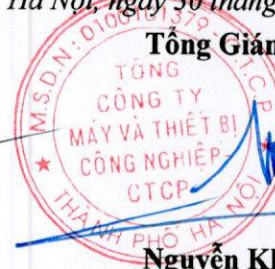
TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải